ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập-Tự do-Hạnh phúc
Số: 10 /2021/QĐ-UBND	*Hải Phòng, ngày 20 tháng 4 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

Về giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt tại khu vực đô thị trên địa bàn thành phố

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giá ngày 02 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Thực hiện kết luận số 26/KL-KTrVB ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Cục kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 58/TTr - SXD ngày 16 tháng 4 năm 2021; Văn bản số 1067/STC-GCS ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Sở Tài

chính; Báo cáo thẩm định số 55/BC-STP ngày 14 tháng 4 năm 2021 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt tại khu vực đô thị trên địa bàn thành phố Hải Phòng như sau:

TT	Danh mục khách hàng	Đơn vị tính	Mức giá tối đa (đ)
I	**Hộ dân không sản xuất, kinh doanh**		
1	Hộ gia đình (hộ mặt đường, hộ trong ngõ, hộ tập thể cao tầng)	đ/hộ/tháng	40.000
2	Hộ cá nhân, phòng trọ	đ/hộ (phòng)/tháng	20.000
II	**Hộ sản xuất kinh doanh nhỏ (tại nhà)**		
1	Ăn uống	đ/hộ/tháng	135.000
2	Vật liệu xây dựng, sửa chữa ô tô, xe máy, thực phẩm, điện máy, may mặc	đ/hộ/tháng	135.000
3	Tạp hóa, rửa ô tô, xe máy và các mặt hàng khác	đ/hộ/tháng	90.000
III	**Các đơn vị HCSN, lực lượng vũ trang, trường học, nhà trẻ, văn phòng, chi nhánh đại diện; Các cửa hàng, khách sạn, nhà hàng kinh doanh ăn uống, các dịch vụ khác; Các đơn vị sản xuất KD** (nhà máy, xí nghiệp, công ty, nhà ga, bến tàu, bến xe, chợ...), **các bệnh viện, phòng khám tư**		
1	Có khối lượng chất thải sinh hoạt, kinh doanh, dịch vụ (trừ rác thải xây dựng, rác thải nguy hại, rác thải y tế) < hoặc =1m^3/tháng	đ/đơn vị/tháng	324.000
2	Có khối lượng chất thải sinh hoạt, kinh doanh, dịch vụ (trừ rác thải xây dựng, rác thải nguy hại, rác thải y tế) > 1m^3/tháng	đ/m^3	324.000

* ***Ghi chú:*** Mức giá trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Điều 2. Trách nhiệm của các đơn vị cung cấp dịch vụ

1. Thực hiện công khai giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt của đơn vị mình không vượt mức giá tối đa được quy định tại Quyết định này.

2. Thông báo về Sở Tài chính và các sở ngành liên quan về giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt tại đơn vị mình.

3. Thực hiện chế độ hạch toán kinh doanh và nộp thuế theo quy định của pháp luật, chủ động cân đối thu chi phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2021; thay thế Quyết định số 3257/2016/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt tại khu vực đô thị trên địa bàn thành phố.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng; Tài nguyên môi trường; Cục trưởng Cục Thuế thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVBQPPL);
- Vụ pháp chế các Bộ: TC, XD;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội TPHP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp;
- Cổng thông tin điện tử TP;
- Công báo TP; Báo Hải Phòng;
- Đài PT&TH Hải Phòng;
- CPVP;
- Phòng
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Tùng